

Hiệp Hòa, ngày 7 tháng 11 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho trang thiết bị y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp vật tư, hoá chất miễn dịch của đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người nhận báo giá: Nguyễn Thế Huy

- Chức Vụ: Trưởng khoa Dược – TTBYT

- SĐT: 0914.815.481

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược – Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh – Tổ dân phố số 3- Thị trấn Thắng – Hiệp Hoà – Bắc Giang.

- Nhận qua email: ttythiephoa24007@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 07 tháng 11 năm 2023 đến trước ngày 20 tháng 11 năm 2023. ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, hoá chất sinh hóa chi tiết như sau: (yêu cầu báo giá trọn gói)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ β -HCG, phát hiện thai sớm	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCG II, Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide	1.300	Test
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng TT3, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của cừu kháng T3 và 125 μ L của T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò và ANS, chất bảo quản natri azide	2.400	Test
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 μ L thyrozine (T4) được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide	2.400	Test
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH (3rd Generation), cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH và 50 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide	2.400	Test
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA, sàng lọc và theo dõi ung thư đại tràng	"Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CEA và 50 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CEA (đối với CEA của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide"	240	Test
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA12-5, sàng lọc và theo dõi ung thư buồng trứng	"Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 và 50 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 (đối với CA 125 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide"	240	Test

7	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA15-3, sàng lọc và theo dõi ung thư vú	"Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 (đôi với CA 15-3 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide"	240	Test
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA19-9, sàng lọc và theo dõi ung thư tuyến tụy	"Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 (đôi với CA19-9 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide"	240	Test
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP, sàng lọc và theo dõi ung thư gan	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP (đôi với AFP của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.	400	Test
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA, sàng lọc và theo dõi ung thư tiền liệt tuyến	"Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II. 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide"	240	Test
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng C-peptide, chẩn đoán bệnh đái tháo đường tuýp 1-2	"Hóa chất xét nghiệm định lượng C-Peptide II 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng C-PEPTIDE II và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng C-PEPTIDE II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide"	300	Test
12	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng SCC	"Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC.5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide"	240	Test

13	Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm định lượng β -HCG (BHCII Sample diluent)	"Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm Beta-HCGII 4 x 4 mL: hóa chất pha loãng ST AIA-PACK BHCII II, huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của Beta HCG, chất bảo quản natri azide"	10	Hộp
14	Hóa chất nền kích hoạt phản ứng hóa phát quang gắn enzyme (Substrate II)	"Hóa chất nền AIA-PACK Substrate Reagent II, 4-methylumbelliferyl photphat, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đóng khô). 2x100ml: hoá chất nền AIA-PACK Substrate Reconstituent II, chất đệm chưa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng)"	18	Hộp
15	Hóa chất rửa máy xét nghiệm miễn dịch (Wash concentrate)	Dung dịch đệm với chất tẩy và chất kim hãm vi khuẩn	12	Hộp
16	Hóa chất pha loãng máy xét nghiệm miễn dịch (Diluent concentrate)	Dung dịch đệm với chất tẩy	12	Hộp
17	Đầu còn nhựa hút bệnh phẩm (Sample Tip)	"Đầu còn nhựa hút mẫu bệnh phẩm"	12	Hộp
18	Cốc đựng mẫu xét nghiệm (Sample Cup)	"Sample Cup Cốc đựng mẫu bệnh phẩm, đóng gói 1000 cái"	3	Hộp
19	Cốc xử lý mẫu bệnh phẩm (Sample treatment cup)	"Cốc đựng mẫu xét nghiệm phù hợp dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Tosoh AIA Quy cách: 10 vi x 20 cốc / Hộp"	3	Hộp
20	Cốc dung hóa chất (Detector standardization cup)	"Detector standardization cup 10 vi x 20 cốc hóa chất Detector Standardization Test Cup"	3	Hộp

<p>21 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng β-HCG (ST BHCgII Calibrator set)</p>	<p>"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Beta-HCGII 2 x 1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK BHCg II Calibrator (1) 0 mIU/ml Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của BHCg, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK BHCg II Calibrator (2) 6.5 mIU/ml 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK BHCg II Calibrator (3) 50 mIU/ml 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK BHCg II Calibrator (4) 200 mIU/ml 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK BHCg II Calibrator (5) 1,000 mIU/ml 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK BHCg II Calibrator (6) 2,250 mIU/ml Huyết thanh người chứa nồng độ BHCg được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ) (được đóng khô). Chất bảo quản natri azide."</p>	<p>2</p>	<p>Hộp</p>
<p>22 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng TT3 (TT3 Calibrator set)</p>	<p>"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TT3 2 x 1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (1) 0 ng/ml Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của TT3, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (2) 0.5 ng/ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (3) 1.0 ng/ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (4) 2.0 ng/ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (5) 4.5 ng/ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (6) 9.0 ng/ml Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của TT3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide."</p>	<p>2</p>	<p>Hộp</p>

<p>22 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng TT3 (TT3 Calibrator set)</p>	<p>"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TT3 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (1) 0 ng/mL Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của T3, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (2) 0.5 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (3) 1.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (4) 2.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (5) 4.5 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TT3 Calibrator (6) 9.0 ng/mL Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của T3 (mô tả trên mỗi lọ), chất</p>	<p>2</p>	<p>Hộp</p>
<p>23 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 (FT4 Calibrator set)</p>	<p>"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FT4 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK FT4 Calibrator (1) 0ng/dL Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của FT4, chất bảo quản natri azide (đông khô). 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK FT4 Calibrator (2) 0.4 ng/dL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK FT4 Calibrator (3) 1.0 ng/dL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK FT4 Calibrator (4) 2.0 ng/dL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK FT4 Calibrator (5) 4.0 ng/dL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK FT4 Calibrator (6) 9.0 ng/dL Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT4 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide (đông khô)."</p>	<p>2</p>	<p>Hộp</p>



<p>24 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng TSH (TSH(3G) Calibrator set)</p>	<p>"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH(3G) 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TSH 3rd-Gen Calibrator (1) 0 μIU/mL Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của TSH, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TSH 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 μIU/mL 2x1 mLHóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TSH 3rd-Gen Calibrator (3) 5.0 μIU/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TSH 3rd-Gen Calibrator (4) 25 μIU/mL 2x1 mLHóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TSH 3rd-Gen Calibrator (5) 50 μIU/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK TSH 3rd-Gen Calibrator (6) 110 μIU/mL Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của TSH 3rd-Gen (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide. "</p>		Hộp
<p>25 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CEA (CEA Calibrator set)</p>	<p>"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CEA 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CEA ZERO Calibrator (1) 0 ng/L Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của CEA, chất bảo quản natri azide 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CEA Positive Calibrator 50 ng/L Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của CEA (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide. "</p>	2	Hộp



<p>26 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA12-5 (CA125 Calibrator set)</p>	<p>"2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator 1. 0 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator 2. 8 U/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator 3. 32 U/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (1) 0 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator 2. 8 U/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator 3. 32 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 125 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azides (được làm đông khô) Quy cách: 12x1ml / Hộp."</p>	<p>2</p>	<p>Hộp</p>
<p>27 Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3 (CA15-3 Calibrator set)</p>	<p>"2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator 1. 0 mg/L Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 15-3, chất bảo quản natriazide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (2) 1.2 U/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (3) 2.4 U/L 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator 1. 0 mg/L Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 15-3, chất bảo quản natriazide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (2) 1.2 U/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (3) 2.4 U/L Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 15-3 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azides. Quy cách: 12x1ml / Hộp."</p>	<p>2</p>	<p>Hộp</p>

28	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9 (CA19-9 Calibrator set)	<p>"2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator 1. 0 ng/L Protein nền không chứa nồng độ CA 19-9 có thể phát hiện được, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator(2) 25 U/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 19-9 Calibrator(3) 50 U/mL Protein nền chứa nồng độ CA 19-9 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ) chất bảo quản natri azide (đông khô). Quy cách: 12x1ml / Hộp."</p>	2	Hộp
29	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng AFP (AFP Calibrator set)	<p>"2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AFP ZERO Calibrator 1. 0 ng/L 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AFP ZERO Calibrator1. 0 ng/L Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của AFP, chất bảo quản natri azide Quy cách: 4x1ml / Hộp."</p>	2	Hộp
30	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng PSA (ST PSA II Calibrator set)	<p>"2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (1) 0 ng/mL - Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của PSA, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (2)0.2 ng/mL - 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (3) 2 ng/mL - 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (1) 0 ng/mL - Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của PSA, chất bảo quản natri azide. 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (2)0.2 ng/mL - 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (3) 2 ng/mL - Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của PSA (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri Quy cách: 12x1ml / Hộp"</p>	2	Hộp



31	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng SCC (ST SCC Calibrator set)	"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK SCC Calibrator (1) 0 ng/mL Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của hGH, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK SCC Calibrator (2) 1.0 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK SCC Calibrator (3) 3.0 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK SCC Calibrator (4) 15 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK SCC Calibrator (5) 50 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK SCC Calibrator (6) 120 ng/mL Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của SCC (mô tả trên mỗi lọ) (đồng khô)."	2	Hộp
32	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng C-peptide (ST C-Peptidell Calibrator set)	"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-Peptidell 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK C-Peptide II Calibrator (1) 0 ng/mL Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của C-Peptide, chất bảo quản natri azide (lỏng). 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK C-Peptidell Calibrator (2) 0.5 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK C-Peptidell Calibrator (3) 2 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK C-Peptidell Calibrator (4) 6 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK C-Peptidell Calibrator (5) 15 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK C-Peptidell Calibrator (6) 33 ng/mL	2	Hộp
33	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin, chẩn đoán sớm nhồi máu cơ tim (Troponin)	"Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI thế hệ thứ 3. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTN13RD-GEN và 140 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTN13RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide"	200	Test

34 "Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin" (Troponin calib)	"Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng cTnl3G 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK cTnl 3rd-Gen Calibrator (1) 0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của cTnl, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK cTnl 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 ng/mL 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK cTnl 3rd-Gen Calibrator (3) 1.0 ng/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK cTnl 3rd-Gen Calibrator (4) 5.0 ng/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK cTnl 3rd-Gen Calibrator (5) 20.0 ng/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn ST AIA-PACK cTnl 3rd-Gen Calibrator (6) 60.0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của cTnl (mô tả trên lọ), chất bảo quản natri azide (dạng khô)."	2	Hộp
--	--	---	-----

Tài liệu: 34 danh mục

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: *cung cấp, vận chuyển vật tư, hóa chất đến tận khoa Dược - TTBYT của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến: sau khoảng 1-5 ngày tính từ thời gian người cung ứng của đơn vị gọi hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán đầu quý này cho quý trước sau khi đơn vị đã nhận đủ các loại giấy tờ cần thiết để phục vụ cho thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Lưu HS;
- Đăng website đơn vị;



Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2023 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu

quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.